

CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nam Định, giai đoạn 2021 – 2030

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)*

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU CHUNG

1. Mục tiêu chung

Triển khai có hiệu quả, phấn đấu đạt các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh đảm bảo theo đúng Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021- 2030, Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 2/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

Từng bước hoàn thiện công tác hành chính tỉnh Nam Định chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, liêm chính, kiến tạo, phục vụ nhân dân, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.

2. Yêu cầu chung

Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ về tổng thể công tác Cải cách hành chính và của từng lĩnh vực, cơ quan, đơn vị theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021- 2030.

Cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Tiếp tục kế thừa và phát huy những thành tựu đã đạt được trong cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn vừa qua, đồng thời đẩy mạnh cải cách đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn và góp phần thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới.

Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 – 2030

1. Cải cách thể chế

a) Mục tiêu:

- Đến năm 2025:

+ Cơ bản hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển chính quyền số.

+ Tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho doanh nghiệp, mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

- Đến năm 2030:

Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, đưa pháp luật áp dụng vào thực tiễn, tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

b) Nhiệm vụ:

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

+ Chủ động xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới để triển khai chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước đảm bảo tính kịp thời, hợp pháp, đồng bộ, khả thi; tuân thủ theo quy định hiện hành về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

+ Tăng cường kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thi hành pháp luật:

+ Tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm của tỉnh, triển khai kịp thời và thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp luật của trung ương cũng như của địa phương ngay sau khi được ban hành.

+ Kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn quá trình xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật với trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước.

+ Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật. Qua đó, đánh giá được thực trạng, hiệu quả của việc thi hành pháp luật nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân.

+ Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

- Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Mục tiêu:

- Đến năm 2025:

+ Rà soát, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020.

+ Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

+ Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

+ Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

+ Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

+ 100% dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được tích hợp với cổng Dịch vụ công quốc gia ngay sau khi có quyết định công bố; 100% giao dịch trên Hệ thống Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh được xác thực điện tử.

+ 100% TTHC có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, 100% TTHC được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 60%.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

+ 90% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

+ 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

+ Phân cấp việc giải quyết TTHC giữa UBND tỉnh với cấp sở, huyện, thành phố; đạt mục tiêu phân cấp ít nhất 20% TTHC.

- Đến năm 2030:

+ 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên.

+ 100% TTHC có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%.

+ 90% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

b) Nhiệm vụ

- Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính:

+ Rà soát, đánh giá TTHC trong quá trình thực hiện; kiến nghị loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; kiến nghị loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có.

+ Rà soát, thống kê và đơn giản hóa các TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

- Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Vận hành và khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Hoàn thành kế hoạch đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết TTHC theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý

ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây nhũng nhiều, tiêu cực, phiền hà cho nhân dân.

- Nghiên cứu, đề xuất giải pháp tháo gỡ vướng mắc về cơ chế, chính sách, TTHC, thông qua tăng cường đối thoại, lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp đo lường sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Tăng cường công tác tuyên truyền, khuyến khích người dân, doanh nghiệp thực hiện giao dịch TTHC trên môi trường điện tử.

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; đảm bảo khả năng đáp ứng việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Mục tiêu

- Đến năm 2025:

- + Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước.

- + Hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo quy định.

- + Giảm tối thiểu 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021 (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập cơ bản, thiết yếu theo quy định của pháp luật).

- + Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

- Đến năm 2030:

- + Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính của tỉnh theo quy định đảm bảo tinh gọn, hiệu quả.

- + Tiếp tục giảm bình quân 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

- + Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%

b) Nhiệm vụ

- Xây dựng, hoàn thiện các văn bản của tỉnh về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

- + Ban hành các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh theo quy định mới của Trung ương; đồng

thời ban hành chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

+ Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phân cấp, phân quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cho các Sở, ban, ngành, địa phương, cấp dưới thực hiện; công việc cần chuyển giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm; trên cơ sở đó thiết kế, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính phù hợp.

- Tổ chức sắp xếp, kiện toàn các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước:

+ Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

+ Thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

+ Sắp xếp, giảm tối đa các ban quản lý dự án, các tổ chức phối hợp liên ngành.

- Triển khai các quy định về tổ chức bộ máy chính quyền địa phương:

+ Sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật.

+ Sắp xếp các đơn vị hành chính, thôn, tổ dân phố đảm bảo theo đúng quy định.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL):

+ Triển khai các quy định về tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các ĐVSNCL theo từng ngành, lĩnh vực; quy hoạch mạng lưới các ĐVSNCL, trọng tâm là các lĩnh vực: Y tế; giáo dục và đào tạo; lao động, thương binh và xã hội; khoa học và công nghệ; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông.

+ Chuyển đổi các ĐVSNCL có đủ điều kiện sang công ty cổ phần.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa các cấp chính quyền, gắn với quyền hạn và trách nhiệm; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

+ Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp quản lý, kiểm soát quyền lực chặt chẽ, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và đề cao trách

nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phân cấp. Triển khai các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ đã phân cấp.

- Nghiên cứu, triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Mục tiêu

- Đến năm 2025:

Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

- Đến năm 2030:

Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ: 25% - 35% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, UBND cấp huyện và tương đương, trên 30% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực thuộc sở, ngành, UBND cấp huyện và tương đương, 80% số lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

b) Nhiệm vụ

- Triển khai hoặc ban hành các văn bản về xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm đồng bộ với các quy định của Đảng về công tác cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

- Đảm bảo các tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; đổi mới công tác tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức. Cán bộ, công chức lãnh đạo đáp ứng tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng quản lý, tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

- Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

- Triển khai việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo sở, phòng và tương đương.

- Nghiên cứu, đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dẫn, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

- Tổ chức triển khai các văn bản pháp luật quy định về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang theo lộ trình cải cách chính sách tiền lương;

- Thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi hoạt động theo hướng đầy mạnh tự chủ.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; xây dựng và ban hành quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

- Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm. Thực hiện các nội dung chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và yêu cầu của vị trí việc làm, bảo đảm không trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả.

- Đổi mới cơ chế, chính sách ưu đãi để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững.

5. Cải cách tài chính công

a) Mục tiêu

- Đến năm 2025:

+ Đổi mới cơ chế quản lý, chủ động, tích cực trong phân bổ ngân sách của tỉnh.

+ Đổi mới cơ chế tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Đến năm 2025, có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Đến năm 2030:

Thể chế hóa các chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

b) Nhiệm vụ

Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính; tăng cường theo dõi, giám sát thực hiện quá trình hội nhập quốc tế, hội nhập khu vực.

- Hoàn thiện cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập:

+ Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

+ Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

+ Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

+ Nâng mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm kinh phí Ngân sách nhà nước cấp cho các đơn vị.

+ Thảm định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

- Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

+ Tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

+ Thực hiện rà soát tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước từ đó thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn tại các doanh nghiệp theo lộ trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trước mắt khẩn trương triển khai thực hiện Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021-2025.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các cuộc thanh tra về tài chính - ngân sách hàng năm trong đó lồng ghép nội dung công tác phòng chống tham nhũng và công khai, minh bạch; việc thực hiện tiêu chuẩn, định mức, chế độ; việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước và tài sản công.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Mục tiêu

- Đến năm 2025:

+ 100% các cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

+ 100% cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung được chia sẻ, kết nối trên toàn tỉnh; các cơ quan nhà nước các cấp từng bước mở dữ liệu để phục vụ cung cấp dịch vụ công, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số hướng tới kết nối, chia sẻ toàn quốc.

+ 100% Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền.

+ 80% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại.

+ 100% hệ thống báo cáo của tỉnh được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

+ Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện: 100% cấp tỉnh, 80% cấp huyện thực hiện họp thông qua Hệ thống này đối với các cuộc họp của Ủy ban nhân dân.

+ 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử; 80% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

+ 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành Phân hệ theo dõi nhiệm vụ UBND và Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao, bảo đảm hiển thị theo thời gian thực, hệ thống Báo cáo của tỉnh chia sẻ với hệ thống báo cáo của Chính phủ.

- Đến năm 2030:

+ 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

+ 100% hồ sơ công việc cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

+ 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Tối thiểu 80% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.

b) Nhiệm vụ

- Hoàn thiện môi trường pháp lý:

+ Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo và điều hành trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương nhằm tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh.

+ Xây dựng và triển khai chiến lược dữ liệu, kế hoạch phát triển dữ liệu, các cơ sở dữ liệu bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, sử dụng chung dữ liệu trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật

+ Phát triển hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tại tỉnh.

+ Phát triển hệ thống dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh phục vụ triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tại tỉnh.

+ Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

+ Cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai đầu tư trang bị, bổ sung hạ tầng kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai, khai thác, sử dụng các HTTT theo quy định.

+ Phát triển hạ tầng mạng Internet kết nối vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như: Giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

- Phát triển nền tảng và hệ thống số quy mô quốc gia:

+ Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ tỉnh và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của tỉnh.

+ Nâng cấp, mở rộng và phát triển các HTTT nền tảng, dùng chung của tỉnh: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống Một cửa điện tử tích hợp công cung cấp dịch vụ công, Chứng thư số chuyên dùng, Cổng thông tin điện tử, Phần mềm Quản lý cán bộ công chức...

+ Xây dựng, phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

- Phát triển dữ liệu số quốc gia:

+ Đẩy nhanh tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Từng bước hình thành các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở cấp tỉnh.

+ Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công tỉnh.

+ Xây dựng Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu số từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số.

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ:

+ Phát triển hệ thống thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

Duy trì, nâng cấp, hoàn thiện phần mềm dùng chung trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Tập trung nâng cao hiệu quả sử dụng các phần mềm và cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Tăng cường sử dụng, trao đổi văn bản điện tử, nhất là tại UBND các cấp, ứng dụng chứng thư số, chữ ký số trong liên thông văn bản điện tử kết nối với trực liên thông văn bản quốc gia.

Nâng cấp hoàn thiện và triển khai Hệ thống Hội nghị giao ban trực tuyến của tỉnh phục vụ họp trực tuyến cho các sở, ban ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã, rút ngắn thời gian hội họp, giảm giấy tờ hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước.

Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh để tích hợp, chia sẻ dữ liệu báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước

Phát triển, hoàn thiện Hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao, kết nối, liên thông với các hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.

Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

+ Phát triển các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài địa phương theo nhu cầu.

+ Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.

+ Phát triển hệ thống làm việc tại nhà, từ xa của các cơ quan nhà nước.

+ Ứng dụng hiệu quả các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính quyền điện tử của tỉnh.

+ Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục và đào tạo, y tế, du lịch, đấu thầu...

+ Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2015 trên phạm vi toàn tỉnh theo mô hình ISO điện tử, tích hợp và đồng bộ với hệ thống tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, đảm bảo là công cụ đắc lực cho hoạt động cải cách hành chính trong các cơ quan nhà nước.

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:

+ Phát triển, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh trên cơ sở hợp nhất Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử để cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hoàn thành việc tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, giải quyết TTHC của cơ quan nhà nước.

+ Phát triển, tích hợp các ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

- Xây dựng, phát triển đô thị thông minh: Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế như: giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng, đồng thời bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.

III. KINH PHÍ

Nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác cải cách hành chính thuộc Chương trình tổng thể cải cách hành chính tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2030 (gọi tắt là Chương trình) được bố trí trong dự toán hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- Là cơ quan thường trực tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.
- Chủ trì triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính, cải cách chế độ công vụ.
- Trình UBND tỉnh ban hành các văn bản nhằm đưa ra các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình.
- Tham mưu Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030; hướng dẫn các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn, hàng năm, kế hoạch nâng cao chỉ số cải cách hành chính đáp ứng mục tiêu của Chương trình trong từng giai đoạn, thực hiện báo cáo theo quy định.
- Kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ về tình hình thực hiện Chương trình hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất.
- Chủ trì xây dựng, triển khai thực hiện theo dõi, đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố.
- Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, triển khai thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.
- Đến năm 2025, tiến hành sơ kết, đến năm 2029 tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

2. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì triển khai nội dung cải cách thủ tục hành chính.
- Tập trung chỉ đạo nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công, Trung tâm Xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh, bộ phận một cửa các cấp.
- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh thực hiện TTHC trực tuyến và phát triển dịch vụ BCCI.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức đối thoại với người dân, tổ chức, doanh nghiệp về TTHC. Thường xuyên lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, công chức giải quyết TTHC.

3. Sở Tư pháp

- Theo dõi, tổng hợp việc triển khai nội dung cải cách thể chế.
- Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- Tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành, đánh giá hiệu lực hiệu quả của văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực, ngành, thuộc phạm vi quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì triển khai nội dung xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số
- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về các nội dung cải cách hành chính tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 – 2030 đặc biệt là giải quyết TTHC trực tuyến trên nền tảng mạng xã hội và thiết bị di động.
- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, trong các dịch vụ phục vụ người dân và tổ chức.
- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc phát triển, quản lý, vận hành Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ; Hệ thống thông tin báo cáo, Trung tâm lưu trữ dữ liệu tỉnh....

5. Sở Tài chính

- Chủ trì theo dõi, thực hiện nội dung cải cách tài chính công.
- Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong Chương trình theo quy định.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh triển khai các nhiệm vụ về xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

7. Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch của cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện Chương trình theo từng giai đoạn: 2021- 2025 và 2026-2030, bảo đảm đúng lộ trình cải cách của tỉnh.

- Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện Chương trình, chủ động và phối hợp với các cơ quan đơn vị hoàn thành các mục tiêu đặt ra.

- Bố trí, phân công công chức, viên chức đủ năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức để triển khai có hiệu quả các nội dung theo Kế hoạch cải cách hành chính của đơn vị.

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện Chương trình (qua Sở Nội vụ) theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

- Tiếp tục phổ biến, tuyên truyền, quán triệt Chương trình, chú trọng sự chủ động, kịp thời, chính xác, có tính định hướng dư luận trong công tác tuyên truyền, thông tin tới người dân, doanh nghiệp.

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá mức độ hài lòng và giải quyết dứt điểm phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan, đơn vị cũng như của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.

8. Các cơ quan, tổ chức khác

Đề nghị Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, Báo Nam Định, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Bưu điện tỉnh, Các công ty viễn thông trên địa bàn tỉnh:

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh trong công tác thông tin, tuyên truyền về tình hình triển khai và kết quả thực hiện Chương trình. Vận động người dân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia trong công tác cải cách hành chính của tỉnh; hỗ trợ, giúp đỡ thực hiện một số nội dung có liên quan.

- Tham gia giám sát việc triển khai thực hiện của các cấp, các ngành trong thực hiện các nội dung của Chương trình này.